

Số: 718.../QĐ-NTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bảng chỉ tiêu Chiến lược phát triển Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trong giai đoạn 2018 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-TTg ngày 26/04/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ Quyết định số 5932/QĐ-UBND ngày 12/11/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng được quy định trong Điều lệ trường Đại học ban hành kèm theo quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Tờ trình số 03/TTr- ĐBCL của Phòng Đảm bảo chất lượng ngày 28/09/2018 về việc ban hành Bảng chỉ tiêu Chiến lược phát triển Trường Đại học Nguyễn Tất Thành các năm 2018-2019-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng chỉ tiêu Chiến lược phát triển Trường Đại học Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2018-2020”.

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức nhân sự, Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng, Trưởng các phòng, ban, khoa, trung tâm có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT.



BẢNG CHỈ TIÊU CÁC LĨNH VỰC TRONG GIAI ĐOẠN 2018-2020

(đính kèm Quyết định số 78./QĐ-NTT ngày 15./10./2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
I. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO				
<i>Mục tiêu:</i> Giúp người học có kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, có khả năng vận dụng và phát triển ứng dụng mới trong lãnh vực chuyên môn, có khả năng học tập suốt đời, có tinh thần khởi nghiệp và đáp ứng được đòi hỏi của thị trường lao động.				
1.1 Hoàn thiện và phát triển CTĐT				
1.1.1 Định kỳ rà soát, hoàn thiện CTĐT hiện hành theo hướng tiếp cận CDIO, AUN-QA, POHE; phát triển các CTĐT theo hướng liên ngành và xuyên ngành nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao.	Cập nhật hàng năm, phát triển CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO, AUN-QA, POHE, gồm: - 26 chương trình bậc DH; - 01 chương trình bậc ThS. (CNTT)	Cập nhật hàng năm, phát triển CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO, AUN-QA, POHE, gồm: - 28 chương trình bậc DH; - 01 chương trình bậc ThS (QTKD)	Cập nhật hàng năm, phát triển CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO, AUN-QA, POHE, gồm: - 33 chương trình bậc DH; - 02 chương trình bậc ThS.(CNTT & TCNH)	<u>Phụ trách chính:</u> - Phòng QLĐT; - Viện Nghiên cứu và Đào tạo sau DH (bậc ThS, TS); Phối hợp: - Các khoa phụ trách đào tạo.
1.1.2 Phát triển các CTĐT mới, chú trọng tới đặc thù của từng lĩnh vực ngành nghề; đa dạng các loại hình đào tạo, phù hợp với nhu cầu của xã hội.	❖ Bậc DH chính quy (10 ngành) Kinh tế: - Thương mại điện tử; - Marketing; - Logistic và quản lý chuỗi cung ứng; Nghệ thuật: - Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình; - Quay phim; - Truyền thông đa phương	❖ Bậc DH chính quy (5 ngành) Nhân văn: - Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam - Quan hệ công chúng; - Tâm lý học; - Dược mỹ phẩm Nghệ thuật: - Thiết kế thời trang		<u>Phụ trách chính:</u> - Các khoa phụ trách đào tạo; Phối hợp: - Phòng QLĐT; - Viện Nghiên cứu và Đào tạo sau DH (bậc ThS, TS); - Phòng TCNS; - Phòng QTTB;

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	<p>tiền; - Giáo dục mầm non; Sức khỏe: - Kỹ thuật xét nghiệm y học - Răng – Hàm – Mặt Nhân văn: -Đông phương học</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Phòng QTTT; - Ban XDCCB; - Trung tâm TT-TV; - Viện E-learning; - Viện NIII; - Viện KH&CN Industry 4.0.
	<p>❖ Bạc ThS (2 ngành) - Tài chính ngân hàng; - Kỹ thuật ô tô.</p>	<p>❖ Bạc ThS (3 ngành) - Công nghệ sinh học; - Dược học; - Điều dưỡng.</p>	<p>❖ Bạc ThS (3 ngành) - Kế toán; - Ngôn ngữ Anh; - Dược lý và dược lâm sàng.</p>	
<p>❖ Chương trình chuẩn quốc tế (5 ngành) - QTKD, Kế toán, CNTT, QTKS, Luật kinh tế.</p>	<p>❖ Chương trình chuẩn quốc tế (01 ngành) - Kỹ thuật ô tô;</p>	<p>❖ Chương trình liên kết quốc tế (3 ngành)</p>		
<p>❖ Văn bằng 2 (3 ngành) - Kế toán; - Ngôn ngữ Anh; - QTKD.</p>	<p>❖ Văn bằng 2 (05 ngành) - CNTT - TCNH - Ngôn ngữ Trung; - Điều dưỡng; - CNTP.</p>	<p>❖ Văn bằng 2 (05 ngành) - Luật kinh tế; - Dược học; - QTKS; - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; - Việt Nam học.</p>		
<p>❖ Đào tạo từ xa (06 ngành) - Kỹ thuật D-DT, CN kỹ thuật ô tô; - QTKD, TCNH, Kế toán, Luật kinh tế, Quản trị NNL; - Ngôn ngữ Anh; - Việt Nam học;</p>			<p>❖ Bạc TS (02 ngành): CNTT, QTKD.</p>	

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	<ul style="list-style-type: none"> - QTKS, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; - CNTT, Quản lý TN&MT, CNTT. 			
1.1.3 Chú trọng xây dựng học liệu phù hợp với CTĐT từ xa nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học theo hướng mở, linh hoạt, đa dạng hóa, bảo đảm chất lượng về nội dung góp phần xây dựng xã hội học tập	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai xây dựng học liệu và tập huấn chuyên môn; - Xây dựng quy trình, quy chế về công tác đào tạo từ xa. 	Triển khai công tác đào tạo từ xa cho 03 ngành (các ngành theo chỉ tiêu 1.1.2)	Triển khai công tác đào tạo từ xa cho 06 ngành (dự kiến).	Phụ trách chính: <ul style="list-style-type: none"> - Viện E-learning; - Các khoa phụ trách đào tạo Phối hợp: <ul style="list-style-type: none"> - Phòng QLĐT; - Viện Nghiên cứu và Đào tạo sau DH (bậc ThS, TS) - Phòng TCNS; - Phòng QTTB; - Phòng QTTT; - Ban XDCCB; - Trung tâm TT-TV; - Viện NIII; - Viện KH&CN Industry 4.0.
1.2 Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập				
1.2.1 Triển khai rộng rãi sử dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm, thông qua việc tăng cường các phương pháp làm việc nhóm, thuyết trình, case study, phương pháp dự án....	100% giảng viên áp dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm.	100% giảng viên áp dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm.	100% giảng viên áp dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm.	Phụ trách chính: <ul style="list-style-type: none"> - Các khoa phụ trách đào tạo; - Phòng QLĐT; Phối hợp: <ul style="list-style-type: none"> - Phòng TCNS; - Phòng QTTT; - Phòng QTTB; - Trung tâm TT-TV.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
1.2.2 Chú trọng trang bị các phương pháp học theo hướng tự học, phát triển tư duy sáng tạo và sử dụng tài nguyên thông tin thư viện, internet, phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ	100% SV, học viên có năng lực tự học phù hợp, có khả năng tra cứu dữ liệu, tư duy sáng tạo	100% SV, học viên có năng lực tự học phù hợp, có khả năng tra cứu dữ liệu, tư duy sáng tạo	100% SV, học viên có năng lực tự học phù hợp, có khả năng tra cứu dữ liệu, tư duy sáng tạo	Phụ trách chính: - Trung tâm TT-TV; - Các khoa phụ trách đào tạo; Phối hợp: - Phòng CTSV; - Phòng QLĐT; - Phòng QTTT; - Phòng QTTB;
1.2.3 Triển khai việc đánh giá kết quả đào tạo theo năng lực thực hiện của SV.	100% chương trình được đánh giá kết quả đào tạo theo năng lực thực hiện của SV	100% chương trình được đánh giá kết quả đào tạo theo năng lực thực hiện của SV.	100% chương trình được đánh giá kết quả đào tạo theo năng lực thực hiện của SV.	Phụ trách chính: - Trung tâm Khảo thí; Phối hợp: - Phòng QLĐT; - Các khoa phụ trách đào tạo; - Phòng QTTT; - Phòng QTTB; - Trung tâm TT-TV;
1.2.4 Đưa E-learning online & offline vào giảng dạy môn học	100% CTĐT có môn học được áp dụng phương pháp E-learning.	100% CTĐT có môn học được áp dụng phương pháp E-learning.	100% CTĐT có môn học được áp dụng phương pháp E-learning.	Phụ trách chính: - Các khoa phụ trách đào tạo; - Viện E-learning; Phối hợp: - Phòng QLĐT; - Phòng QTTT; - Phòng QTTB; - Trung tâm TT-TV; - Viện KH&CN Industry 4.0.
1.3 Chú trọng trang bị các năng lực bổ trợ				

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
1.3.1 Đa dạng ngoại ngữ trong đào tạo nhằm tăng cường cơ hội việc làm cho SV khi tốt nghiệp, khuyến khích SV viết và bảo vệ luận văn tốt nghiệp bằng ngoại ngữ 1	- Bổ sung ngoại ngữ vào CTĐT (tiếng Nhật, Đức, Hàn...) - Thành lập CLB Tiếng Anh chuyên ngành; - Mỗi khoa có từ 1-2 SV bảo vệ luận văn tốt nghiệp bằng ngoại ngữ 1.	Có 1% SV bảo vệ luận văn bằng ngoại ngữ 1/Tổng số SV của khóa được làm luận văn.	Có 1% SV bảo vệ luận văn bằng ngoại ngữ 1/Tổng số SV của khóa được làm luận văn.	Phụ trách chính: - Các khoa phụ trách đào tạo; Phối hợp: - Phòng QLĐT; - Khoa Ngoại ngữ;
1.3.2 SV tốt nghiệp sử dụng tốt kỹ năng tin học.	100% SV tốt nghiệp đạt trình độ Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản/nâng cao/ MOS theo quy định của Nhà trường tại tất cả các ngành đào tạo.	100% SV tốt nghiệp đạt trình độ Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản/nâng cao/MOS theo quy định của Nhà trường tại tất cả các ngành đào tạo.	100% SV tốt nghiệp đạt trình độ Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản/nâng cao/MOS theo quy định của Nhà trường tại tất cả các ngành đào tạo.	Phụ trách chính: - Các khoa phụ trách đào tạo; - Trung tâm Tin học. Phối hợp: - Phòng QLĐT;
1.3.3 Trang bị kỹ năng mềm phù hợp cho SV thông qua việc lồng ghép chương trình học và các chuyên đề ứng dụng.	100% SV được trang bị kỹ năng mềm theo CTĐT.	100% SV được trang bị kỹ năng mềm theo CTĐT.	100% SV được trang bị kỹ năng mềm theo CTĐT.	Phụ trách chính - Các khoa phụ trách đào tạo; - Phòng QLĐT; Phối hợp - Phòng QLĐT; - Các khoa phụ trách đào tạo; - Phòng CTSV; - Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo doanh nghiệp.
1.4 Xây dựng môi trường học tập trải nghiệm và nâng cao hiệu quả đào tạo				
1.4.1 Nâng cao hiệu quả đào tạo	- Tỷ lệ SVTN/ nhập học: 70% - 80% - Tỷ lệ SV bỏ/nhập học:	- Tỷ lệ SVTN/ nhập học: 70% - 80% - Tỷ lệ SV bỏ/nhập học:	- Tỷ lệ SVTN/ nhập học: 70% - 80% - Tỷ lệ SV bỏ/nhập học:	Phụ trách chính: - Phòng QLĐT;

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	10% - 20% - Tỷ lệ SV quá hạn đào tạo: 10%	10% - 20% - Tỷ lệ SV quá hạn đào tạo: 10%	10% - 20% - Tỷ lệ SV quá hạn đào tạo: 10%	Phối hợp: - Các khoa phụ trách đào tạo; Phòng CTSV; - Ban QHDN&VLSV.
1.4.2 Đảm bảo tỷ lệ cao SV ra trường sau 1 năm có việc làm phù hợp.	83% SV ra trường sau 1 năm có việc làm	86% SV ra trường sau 1 năm có việc làm	90% SV ra trường sau 1 năm có việc làm	Phụ trách chính: - Phòng ĐBCL Phối hợp: - Phòng QLĐT; - Các khoa phụ trách đào tạo; - Phòng CTSV; - Ban QHDN&VLSV.
1.4.3 SV được tạo điều kiện thực tập và làm việc trong môi trường nước ngoài.	2% - 3% SV được tạo điều kiện thực tập và làm việc trong môi trường nước ngoài.	4% - 5% SV được tạo điều kiện thực tập và làm việc trong môi trường nước ngoài.	5% - 6% SV được tạo điều kiện thực tập và làm việc trong môi trường nước ngoài.	Phụ trách chính: - Ban QHDN&VLSV; - Phòng ĐBCL Phối hợp: - Phòng QLĐT; - Các khoa phụ trách đào tạo; - Phòng CTSV; - Phòng HTQT.
1.4.4 Cải thiện chất lượng phục vụ SV	80% phản hồi hài lòng về chất lượng phục vụ và chất lượng giảng dạy.	85% phản hồi hài lòng về chất lượng phục vụ và chất lượng giảng dạy.	90% phản hồi hài lòng về chất lượng phục vụ và chất lượng giảng dạy.	Phụ trách chính: - Phòng CTSV. Phối hợp: - Các khoa phụ trách đào tạo;

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
				Phối hợp: - Phòng QLĐT;
1.4.5 Hoàn thiện quy trình phối hợp giữa các Khoa và các phòng ban trong việc xây dựng môi trường học tập tích cực.	100% các Khoa phối hợp chặt chẽ với các phòng ban để xử lý nhanh và cải thiện môi trường học tập.	100% các Khoa phối hợp chặt chẽ với các phòng ban để xử lý nhanh và cải thiện môi trường học tập.	100% các Khoa phối hợp chặt chẽ với các phòng ban để xử lý nhanh và cải thiện môi trường học tập.	- Phòng QLĐT; - Các khoa phụ trách đào tạo; - Phòng CTSV; - VP Trường.
1.4.6 Tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tế cho SV	100% SV tham gia các hoạt động thực tập, thực tế.	100% SV tham gia các hoạt động thực tập, thực tế.	100% SV tham gia các hoạt động thực tập, thực tế.	- Phụ trách chính: - Ban QHDN&VLSV. Phối hợp: - Phòng QLĐT; - Các khoa phụ trách đào tạo; - Phòng CTSV.
1.4.7 Hoàn thiện công tác Cố vấn học tập	Tất cả các Khoa có nhân viên CVHT chuyên trách đáp ứng đủ yêu cầu của SV	Tất cả các Khoa có nhân viên CVHT chuyên trách đáp ứng đủ yêu cầu của SV	Tất cả các Khoa có nhân viên CVHT chuyên trách đáp ứng đủ yêu cầu của SV	- Các khoa phụ trách đào tạo; - Phòng CTSV.

2. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
II. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC				
<i>Mục tiêu:</i> Tăng cường triển khai nghiên cứu như một công cụ nâng cao chất lượng đào tạo và tạo ra kiến thức mới.				
2.1 Tăng cường và đa dạng hóa nghiên cứu khoa học				
2.1.1 Tăng tỷ lệ các đơn vị (Khoa/Viên/Trung tâm) và tỷ lệ cán bộ giảng viên cơ hữu tham gia NCKH.	- 80% các đơn vị (Khoa/Viên/Trung tâm) tham gia NCKH. - 50% cán bộ giảng viên cơ hữu tham gia NCKH.	- 100% các đơn vị (Khoa/Viên/Trung tâm) tham gia NCKH. - 60% cán bộ giảng viên cơ hữu tham gia NCKH.	- 100% các đơn vị (Khoa/Viên/Trung tâm) tham gia NCKH. - 80% cán bộ giảng viên cơ hữu tham gia NCKH.	- Phòng KHCN - Khoa/Viên/ Trung tâm

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
2.1.2 Thành lập các nhóm nghiên cứu tập trung về các lĩnh vực công nghệ cao theo các định hướng mũi nhọn.	- 05 nhóm nghiên cứu tập trung về các lĩnh vực công nghệ cao theo các định hướng mũi nhọn. - 01 đề tài NCKH (cấp Nhà nước/ Bộ/ Tỉnh) và 5 bài báo (ISI/SCOPUS)/năm/nhóm	- 10 nhóm nghiên cứu tập trung về các lĩnh vực công nghệ cao theo các định hướng mũi nhọn. - 01 đề tài NCKH (cấp Nhà nước/ Bộ/ Tỉnh) và 5 bài báo (ISI/SCOPUS)/năm/nhóm	- 15 nhóm nghiên cứu tập trung về các lĩnh vực công nghệ cao theo các định hướng mũi nhọn. - 01 đề tài NCKH (cấp Nhà nước/ Bộ/ Tỉnh) và 5 bài báo (ISI/SCOPUS)/năm/nhóm	- Phòng KHCN - Phòng TCNS - Khoa/Viện/ Trung tâm
2.1.3 Tăng cường số lượng đề tài nghiên cứu các cấp và các chương trình nghiên cứu khác.	100 đề tài NCKH các cấp được phê duyệt	120 đề tài NCKH các cấp được phê duyệt	150 đề tài NCKH các cấp được phê duyệt	- Phòng KHCN - Khoa/Viện/ Trung tâm
2.1.4 Tăng số lượng các bài báo NCKH quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS	150 bài báo ISI/SCOPUS	200 bài báo ISI/SCOPUS	250 bài báo ISI/SCOPUS	- Phòng KHCN - Khoa/Viện/ Trung tâm
2.1.5 Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước.	Xây dựng cơ sở dữ liệu của 100 chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước.	Xây dựng cơ sở dữ liệu của 200 chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước.	Xây dựng cơ sở dữ liệu của 400 chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước.	- Phòng KHCN - Phòng TCNS - Phòng HTQT - Khoa/Viện/ Trung tâm
2.2 Tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu khoa học				
2.2.1 Tăng tỷ trọng quỹ NCKH nhà trường, nâng cao nguồn thu từ hoạt động KHCN	- Doanh thu từ hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tăng 10%/năm - Dành 3% doanh thu/năm đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ	- Doanh thu từ hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tăng 10%/năm - Dành 4% doanh thu/năm đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ	- Doanh thu từ hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tăng 15%/năm - Dành 5% doanh thu/năm đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ. - Thành lập 01 doanh nghiệp KHCN	- Phòng KHCN - Phòng Kế toán - Phòng KHTC - Khoa/ Viện/ Trung tâm

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
2.2.2 Cải tiến chất lượng công tác quản lý hoạt động KHCCN, xây dựng hệ thống quản lý KHCCN trực tuyến, tăng cường vai trò của Hội đồng khoa học và đào tạo.	- Đề xuất hệ thống quản lý KHCCN trực tuyến - Xây dựng hệ thống hóa văn bản quản lý hoạt động KHCCN - Rà soát hội đồng khoa học và đào tạo các đơn vị và Nhà trường.	- Xây dựng hệ thống quản lý KHCCN trực tuyến - Vận hành hệ thống hóa văn bản quản lý hoạt động KHCCN - Tăng cường vai trò của hội đồng khoa học và đào tạo các đơn vị và Nhà trường trong xét duyệt đề tài NCKH, xây dựng nhóm nghiên cứu.	- Vận hành hệ thống quản lý KHCCN trực tuyến - Vận hành hệ thống hóa văn bản quản lý hoạt động KHCCN - Tăng cường vai trò của hội đồng khoa học và đào tạo các đơn vị và Nhà trường trong xét duyệt đề tài NCKH, xây dựng nhóm nghiên cứu.	- Phòng KHCCN - Phòng TCNS - Phòng QTTT - Khoa/Viện/ Trung tâm
2.2.3 Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho cán bộ GV.	- 100% GV tham gia tập huấn 04 chuyên đề NCKH/năm - 10 người/năm được cử đi học tập và nghiên cứu	- 100% GV tham gia tập huấn 04 chuyên đề NCKH/năm - 15 người/năm được cử đi học tập và nghiên cứu	- 100% GV tham gia tập huấn 04 chuyên đề NCKH/năm - Tối thiểu 20 người/năm được cử đi học tập và nghiên cứu	- Phòng KHCCN - Phòng TCNS - Phòng KHHTC - Khoa/Viện/ Trung tâm
2.2.4 Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho SV	- Tổ chức 02 buổi chuyên đề NCKH cho SV/Khoa. - 10% SV/khóa học tham gia đề tài NCKH - 50 lượt SV tham gia giải NCKH cấp TP/Bộ/ngành.	- Tổ chức 03 buổi chuyên đề NCKH cho SV/Khoa. - 12% SV/khóa học tham gia đề tài NCKH - 100 lượt SV tham gia giải NCKH cấp TP/Bộ/ngành.	- Tổ chức 04 buổi chuyên đề NCKH cho SV/Khoa. - 15% SV/khóa học tham gia đề tài NCKH - 150 lượt SV tham gia giải NCKH cấp TP/Bộ/ngành.	- Phòng KHCCN - Phòng CTSV - Phòng KHHTC - Khoa/Viện/ Trung tâm
2.2.5 Tổ chức các hội thảo, hội nghị Quốc tế do các Bộ, Ban ngành và các tổ chức khác chủ trì	Tổ chức/phối hợp tổ chức: - 04 Hội thảo khoa học Quốc Tế; - 08 Hội thảo khoa học cấp Quốc Gia; - 12 Hội thảo khoa học cấp Khoa/Trường	Tổ chức/phối hợp tổ chức: - 04 Hội thảo khoa học Quốc Tế; - 08 Hội thảo khoa học cấp Quốc Gia; - 14 Hội thảo khoa học cấp Khoa/Trường	Tổ chức/phối hợp tổ chức: - 04 Hội thảo khoa học Quốc Tế; - 08 Hội thảo khoa học cấp Quốc Gia; - 16 Hội thảo khoa học cấp Khoa/Trường	- Phòng KHCCN - Phòng HTQT - Phòng KHHTC - Khoa/Viện/ Trung tâm

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
2.2.6 Tổ chức/phối hợp tổ chức chương trình tư vấn doanh nghiệp, các chương trình nghiên cứu triển khai, hội nghị khách hàng về nghiên cứu khoa học	Tổ chức với quy mô cấp Khoa/Trường: 04 lần/năm	Tổ chức với quy mô cấp Khoa/Trường: 06 lần/năm	Tổ chức với quy mô cấp Khoa/Trường: 08 lần/năm	- Phòng KHCN - Phòng HTQT - Phòng KHTC - Ban QHDN&VLSV - Khoa/Viện/Trung tâm
2.2.7 Gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo	Xây dựng cơ chế về mức độ áp dụng của nghiên cứu khoa học vào bài giảng	Đưa ra các chỉ số đánh giá mức độ áp dụng hoạt động nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo	Đánh giá các chỉ số đánh giá mức độ áp dụng hoạt động nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo	- Phòng KHCN - Phòng QLĐT - Ban QHDN&VLSV - Khoa/Viện/Trung tâm
2.2.8 Xây dựng, xuất bản và quản lý tạp chí khoa học của nhà trường	Xây dựng chiến lược phát triển 04 tạp chí khoa học công nghệ của Nhà trường quản lý/hợp tác	01 Tạp chí Khoa học của Nhà trường được đưa vào xét điểm Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước ở 01 lĩnh vực	- 01 Tạp chí Khoa học của Nhà trường được đưa vào xét điểm Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước ở 2 lĩnh vực - 01 Tạp chí khoa học của Nhà trường quản lý/hợp tác được nằm trong danh mục ISI/SCOPUS	- Phòng KHCN - Phòng HTQT - Ban biên tập Tạp chí - Khoa/Viện/Trung tâm

3. LĨNH VỰC PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
III. LĨNH VỰC PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI				
<i>Mục tiêu:</i> Tối đa hóa tác động của công tác đào tạo và nghiên cứu có chất lượng cao của Trường thông qua các hoạt động với cộng đồng, xã hội, có lợi cho giảng viên (GV), sinh viên (SV) và cựu sinh viên, đảm bảo sự thu nhập bền vững từ cộng đồng.				
3.1 Gắn kết chặt chẽ với cộng đồng và các đối tác, duy trì mối liên hệ với các đối tác truyền thống, giữ vững, ổn định và mở rộng thị trường trên cơ sở tôn trọng lợi ích cùng có lợi của trường với các đối tác:				

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
3.1.1 Rà soát và xác định lại lĩnh vực cần hợp tác, nghiên cứu và thực hiện các mô hình vườn ươm khoa học công nghệ; tư vấn kỹ thuật thiết bị y tế; lĩnh vực cơ khí tự động; thương mại điện tử; khởi sự doanh nghiệp; đào tạo theo nhu cầu của xã hội...	Thực hiện các mô hình nghiên cứu, hỗ trợ gắn kết: - Lớp đào tạo Tiên tiến sĩ; - Trung tâm hợp tác quốc tế Asian; - Viện Khoa học và công nghệ Industry 4.0.	- Tiếp tục mở rộng các mô hình nghiên cứu, hỗ trợ; - Đánh giá và duy trì các mô hình nghiên cứu, gắn kết đã có; - Phát triển theo hướng nghiên cứu chuyên sâu.	- Tiếp tục mở rộng các mô hình nghiên cứu, hỗ trợ; - Đánh giá và duy trì các mô hình nghiên cứu, gắn kết đã có.	P.KHCN; B.QHDN&VLSV và các đơn vị liên quan.
3.1.2 Áp dụng mô hình hợp tác có hiệu quả cao như: * Thành viên hợp tác chiến lược; * Hợp tác toàn diện; * Hợp tác theo lĩnh vực.	- Triển khai hoạt động hợp tác chiến lược với các trường: DHQG Hà Nội, DHQG Hồ Chí Minh, DH Vinh, Viện Khoa học xã hội, DH Must (Malaysia).	- Tiếp tục triển khai và đánh giá về các hoạt động hợp tác chiến lược, hợp tác toàn diện; - Mở rộng thêm 01 – 02 đối tác chiến lược.	- Tiếp tục triển khai và đánh giá về các hoạt động hợp tác chiến lược, hợp tác toàn diện; - Mở rộng thêm 01 – 02 đối tác chiến lược.	Văn phòng Trường; Phòng KHCN, các Khoa và đơn vị liên quan.
3.1.3 Tăng cường các nguồn tài trợ cho sinh viên thông qua các hoạt động phục vụ cộng đồng như: - Quỹ học bổng Nguyễn Tất Thành; - Quỹ học bổng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành; - Quỹ học bổng từ doanh nghiệp; - Quỹ học bổng từ khoa học công nghệ; - Quỹ học bổng từ các Khoa.	- Tăng 10% tiền thu từ các nguồn tài trợ so với năm trước.	- Tăng 10% tiền thu từ các nguồn tài trợ so với năm trước.	- Tăng 15% tiền thu từ các nguồn tài trợ so với năm trước.	P.KHCN, P.CTSV; B.QHDN&VLSV, các khoa.
3.1.4 Đẩy mạnh hoạt động đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ gắn kết toàn bộ xã hội – cộng đồng.	Có 01 đề tài nghiên cứu từ cấp sở trở lên được thực hiện.	Có 03 đề tài nghiên cứu từ cấp sở trở lên thực hiện.	Có 04 đề tài nghiên cứu từ cấp sở trở lên được thực hiện.	P.KHCN, các Khoa. P.KHCN, các Khoa.
Có 03 hợp đồng chuyển giao công nghệ	Có 06 hợp đồng chuyển giao công nghệ được	Có 08 hợp đồng chuyển giao công nghệ được		

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN		2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	được thực hiện.	thực hiện.	thực hiện.	thực hiện.	
	Tổ chức 06 khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội.	Tổ chức 07 khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội.	Tổ chức 10 khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội.	TT Đào tạo theo nhu cầu xã hội.	
3.2 Tạo lập và duy trì hoạt động của các đơn vị phục vụ cộng đồng cụ thể:					
3.2.1 Thành lập các đơn vị dịch vụ để gắn kết đào tạo với thực hành và hỗ trợ SV.	- Thành lập siêu thị, xưởng bánh, phòng khám đa khoa; - Thành lập bộ phận tư vấn tâm lý học đường cho SV.	- Thành lập mới 02 đơn vị dịch vụ để gắn kết đào tạo với thực hành: Nhà hàng, xưởng ô tô; - Đánh giá, duy trì và phát huy hiệu quả các đơn vị dịch vụ đã thành lập.	- Thành lập mới 02 đơn vị dịch vụ để gắn kết đào tạo với thực hành; - Đánh giá, duy trì và phát huy hiệu quả các đơn vị dịch vụ đã thành lập.	P. CTSV, các Khoa, đơn vị chức năng liên quan.	
3.2.2 Thành lập công viên công nghệ và các đơn vị vệ tinh.	- Dự án Công viên công nghệ trong khu CNC của thành phố; - Trường THPT chất lượng cao; - Trường Cao đẳng theo mô hình (9+5), KTX, Nhà ăn SV, Nhà tập luyện TDĐT.	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các dự án Khu CNC và các đơn vị vệ tinh.	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các dự án Khu CNC và các đơn vị vệ tinh.	- Ban xây dựng - Các đơn vị liên quan.	
3.2.3 Nâng cao tỷ lệ giới thiệu thành công SV tốt nghiệp có việc làm.	- Giới thiệu việc làm thành công cho 70% SV tốt nghiệp trong vòng một năm có nhu cầu tìm việc.	- Giới thiệu việc làm thành công cho 80% SV tốt nghiệp trong vòng một năm có nhu cầu tìm việc.	- Giới thiệu việc làm thành công cho 85% SV tốt nghiệp trong vòng một năm có nhu cầu tìm việc.	B. QHDN&VLSV, P. CTSV.	
3.3 Nâng cao hình ảnh nhà trường thông qua các hoạt động gắn kết cộng đồng					

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
3.3.1 Phát triển quan hệ bên vững, hỗ trợ lẫn nhau với cộng đồng Cựu SV	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành điều lệ Hội Cựu SV và quy chế hoạt động của Ban Liên lạc Cựu SV của Trường; - Thành lập Hội Cựu Sinh viên cấp Trường, CLB Cựu SV cấp Khoa, Tổng hợp danh sách Cựu SV và địa chỉ làm việc của các Khoa; - Xây dựng hệ thống quản lý Cựu SV; - Tổ chức 04 chương trình hoạt động liên quan đến Cựu SV. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 08 chương trình hoạt động liên quan đến Hội Cựu SV; - Có 50 Cựu SV tiếp tục học bậc sau đại học tại trường; - Cập nhật được 50% thông tin việc làm của Cựu SV lên hệ thống phần mềm quản lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 12 chương trình hoạt động liên quan đến Hội Cựu SV; - Có 80 Cựu SV tiếp tục học bậc sau đại học tại trường; - Cập nhật được 70% thông tin việc làm của Cựu SV lên hệ thống phần mềm quản lý. 	P. CTSV, B. QHĐN&VLSV, các Khoa.
3.3.2 Quảng bá và xây dựng thương hiệu của trường theo cách thức hiệu quả hơn nhằm nâng cao sự hiểu biết của công chúng và xã hội đối với nhà trường.	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức 10 hoạt động truyền thông xây dựng thương hiệu hình ảnh của Trường. Xây dựng 06 clip, video giới thiệu về Trường và các Khoa. Tổ chức các kênh thông tin liên lạc và kết nối với SV, phụ huynh. 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức 15 hoạt động truyền thông xây dựng thương hiệu hình ảnh của Trường. Xây dựng và hoàn thiện, cập nhật 10 clip, video giới thiệu về Trường và các Khoa. Hoàn thiện kênh thông tin lên lạc đến SV, phụ huynh của 06 Khoa. 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức 20 hoạt động truyền thông xây dựng thương hiệu hình ảnh của Trường. Xây dựng và hoàn thiện, cập nhật 20 clip, video giới thiệu về Trường và các Khoa. Hoàn thiện kênh thông tin lên lạc đến SV, phụ huynh của 12 Khoa. 	P. Truyền thông & Marketing, P. HTQT, các Khoa. P. Truyền thông & Marketing, P. CTSV, các Khoa.
3.4 Gắn kết theo chiều sâu hoạt động SV – giảng dạy – doanh nghiệp – khởi nghiệp				
3.4.1 Đào tạo, tư vấn và dẫn dắt hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp.	- Tổ chức 05 hội thảo, cuộc thi, sân chơi, khóa	Tổ chức 08 hội thảo, cuộc thi, sân chơi, khóa	Tổ chức 10 hội thảo, cuộc thi, sân chơi, khóa	TT. ST&UTDN, P. CTSV

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	<p>đào tạo về khởi nghiệp cho SV;</p> <p>- Thực hiện 20 lượt tư vấn khởi nghiệp cho SV, giúp SV nhận định rõ giai đoạn phát triển của ý tưởng hoặc dự án của mình và chỉ dẫn các bước hành động tiếp theo cho SV khởi nghiệp.</p>	<p>đào tạo về khởi nghiệp cho SV;</p> <p>- Thực hiện 50 lượt tư vấn khởi nghiệp cho SV, giúp SV nhận định rõ giai đoạn phát triển của ý tưởng hoặc dự án của mình và chỉ dẫn các bước hành động tiếp theo cho SV khởi nghiệp.</p>	<p>đào tạo về khởi nghiệp cho SV;</p> <p>- Thực hiện 100 lượt tư vấn khởi nghiệp cho SV, giúp SV nhận định rõ giai đoạn phát triển của ý tưởng hoặc dự án của mình và chỉ dẫn các bước hành động tiếp theo cho SV khởi nghiệp.</p>	<p>- TT.ST&UTDN, Phòng KHCN. - TT.ST&UTDN đang mời đối tác tư vấn xây dựng Quy chế quỹ, điều đó sẽ gắn kết một phần với Quỹ nghiên cứu khoa học của SV, sau đó sẽ mở rộng huy động vốn từ Doanh nghiệp.</p>
	<p>Xây dựng Quỹ khởi nghiệp và thu hút nhà tài trợ các đề tài khởi nghiệp của SV.</p>	<p>Tăng 10% nguồn tài trợ các đề tài khởi nghiệp của SV.</p>	<p>Tăng 10% nguồn tài trợ các đề tài khởi nghiệp của SV.</p>	
	<p>Thành lập 03 chuyên ngành cho CLB Khởi nghiệp ở Cơ sở An Phú Đông</p>	<p>Thành lập 05 chuyên ngành cho CLB Khởi nghiệp ở Cơ sở 300A Nguyễn Tất Thành</p>	<p>Thành lập 07 chuyên ngành cho CLB Khởi nghiệp ở Cơ sở Quận 7</p>	<p>TT.ST&UTDN, P.CTSV</p>
<p>3.4.2 Triển khai các đề tài, ý tưởng về khởi nghiệp.</p>	<p>Có 03 đề tài, ý tưởng được hỗ trợ triển khai.</p>	<p>Có 06 đề tài, ý tưởng được hỗ trợ triển khai.</p>	<p>Có 08 đề tài, ý tưởng được hỗ trợ triển khai.</p>	<p>TT.ST&UTDN, P.CTSV</p>

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN		2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
3.4.3	Phát triển đội ngũ GV là doanh nhân và gắn kết GV với doanh nghiệp	Có 02 Khối ngành có GV doanh nhân.	Có 03 Khối ngành có GV doanh nhân.	Có 04 Khối ngành có GV doanh nhân.	Các Khoa, P.TCNS, B.QHĐN&VLSV
3.5 Kết nối các hoạt động tình nguyện của SV, CB, GV hướng đến giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn của xã hội					
3.5.1	Thu hút các nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động phục vụ cộng đồng của trường.	Có 02 nguồn hỗ trợ cho các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng.	Tăng 10% nguồn hỗ trợ cho các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng.	Tăng 10% nguồn hỗ trợ cho các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng.	P.CTSV Đoàn TN – Hội SV B.QHĐN&VLSV
3.5.2	Tăng cường kết nối và chủ động dẫn dắt các hoạt động tình nguyện của SV.	Tổ chức 06 chương trình, hoạt động tình nguyện của SV và báo cáo đánh giá kết quả.	Tổ chức 10 chương trình, hoạt động tình nguyện của SV và báo cáo đánh giá kết quả.	Tổ chức 15 chương trình, hoạt động tình nguyện của SV và báo cáo đánh giá kết quả.	P.CTSV, Các Khoa Quản lý SV và Đoàn TN – Hội SV.
3.5.3	Phát huy vai trò của GV, CB trong các hoạt động phục vụ cộng đồng	Đưa chương trình phục vụ cộng đồng vào kế hoạch năm học của các khoa.	Tổ chức 01 chương trình phục vụ cộng đồng tại mỗi khoa.	Tổ chức 02 chương trình phục vụ cộng đồng tại mỗi khoa.	Các Khoa quản lý SV, P.CTSV.
3.6 Hoàn thiện các cơ chế chính sách và con người trong việc hỗ trợ nâng cao chất lượng phục vụ cho SV					
3.6.1	Hoàn thiện cơ chế chính sách và quản lý.	Thực hiện công bố kết quả học tập và gửi thư báo đến 70% phụ huynh.	Thực hiện công bố kết quả học tập và gửi thư báo đến 80% phụ huynh.	Thực hiện công bố kết quả học tập và gửi thư báo đến 90% phụ huynh.	P.CTSV, Các Khoa Quản lý SV. P.CTSV, P.QLĐT, Các Khoa Quản lý SV.
		Hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý học vụ	Xây dựng biểu đồ năng lực học tập của SV, lập kế hoạch và thực hiện cải tiến nâng cao kết quả học tập của SV.	Lập kế hoạch và thực hiện cải tiến nâng cao kết quả học tập của SV.	

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
3.6.2 Nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự.	Tổ chức 05 chương tình tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự của trường, đơn vị.	Tổ chức 07 chương tình tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự của trường, đơn vị.	Tổ chức 10 chương tình tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự của trường, đơn vị.	P.TCNS, các đơn vị thuộc trường.
3.6.3 Cải tiến các hoạt động phục vụ và nâng cao kỹ năng cho SV.	Điều chỉnh và cập nhật quy chế hoạt động các CLB trực thuộc Trường, Khoa; tổ chức lại hoạt động của các CLB trực thuộc Trường.	Tiếp tục hoàn thiện và phát triển các CLB hiện có, thành lập thêm 04 CLB học thuật cho SV tham gia.	Tiếp tục hoàn thiện và phát triển các CLB hiện có, thành lập thêm 06 CLB học thuật cho SV tham gia.	P.CTSV, Đoàn TN - Hội SV
	Tổ chức 05 hội thảo, chương trình phát triển kỹ năng sống và phương pháp học đại học cho SV	Tổ chức 10 hội thảo, chương trình phát triển kỹ năng sống và phương pháp học đại học cho SV	Tổ chức 15 hội thảo, chương trình phát triển kỹ năng sống, làm việc và phương pháp học đại học cho SV	P.CTSV, P.QLĐT, P.Truyền thông & Marketing, các Khoa và Trung tâm Kỹ năng nghề.

4. LĨNH VỰC ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
IV. LĨNH VỰC ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN				
Mục tiêu: Thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn và vượt chuẩn để góp phần phát triển bền vững nhà trường.				
4.1 Thu hút đội ngũ GV				
4.1.1 Đảm bảo tỷ lệ GV trên SV đạt theo chuẩn DBCL do Bộ GD&ĐT ban hành và theo chuẩn của các tổ chức kiểm định chất lượng trong khu vực và thế giới.	Tỷ lệ chung toàn trường là 25 SV/GV	Tỷ lệ chung toàn trường là 25 SV/GV.	Tỷ lệ chung toàn trường là 20 SV/GV.	- Phòng TCNS; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị liên quan trong toàn Trường.
4.1.2 Nâng cao thành phần đội ngũ GV đạt trình độ Tiến sĩ	- 15% TS toàn trường - 30% TS cho các ngành đăng ký KĐCL theo AUN-	- 18% TS toàn trường - 30% TS cho các ngành: Ô tô, CNTP;	- 20% TS toàn trường;	- Phòng TCNS; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị liên quan

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	QA: QTKD, CNTT, Tài chính, Ngôn ngữ Anh, CNSH; - 15% TS cho ngành đăng ký KDCL theo Bộ GD&ĐT: Quản trị khách sạn nhà hàng, Điện tử.	- 15% TS cho ngành: Điều dưỡng, Dược.		trong toàn Trường.
4.1.3 Chủ trọng bổ sung đội ngũ GV đến từ doanh nghiệp theo chuẩn yêu cầu của ngành đào tạo	- Xây dựng quy chế về mời giảng của đội ngũ GV doanh nghiệp; - Ngành du lịch: theo Công văn số 4929/BGDĐT-GDDH ngày 20/10/2017 - Lĩnh vực CNTT theo Công văn số 5444/BGDĐT-GDDH ngày 16/11/2017 - Khóit ngành Sức khỏe theo Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ban hành ngày 5/10/2017 - Các khóit ngành khác: 10%; - Thực hiện báo cáo, đánh giá, rà soát quá trình thực hiện.	- Các khóit ngành khác: 20% - Thực hiện báo cáo, đánh giá, rà soát quá trình thực hiện.	- Các khóit ngành khác: 30% - Thực hiện báo cáo, đánh giá, rà soát quá trình thực hiện.	- Phòng TCNS; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị liên quan trong toàn Trường.
4.1.4 Đảm bảo cân bằng tỷ lệ đội ngũ nhân viên hỗ trợ với GV	50%	40%	25%	- Phòng TCNS; - Phòng QLĐT; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị liên quan trong toàn Trường.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
4.2 Phát triển năng lực của đội ngũ GV				
4.2.1 Xây dựng kế hoạch của từng cá nhân, đơn vị và toàn trường nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp	Xây dựng quy chế đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn. Tổ chức tập huấn triển khai để áp dụng cho năm 2019	100% có kế hoạch và ít nhất 30% hoàn thành kế hoạch	100% có kế hoạch và ít nhất 40% hoàn thành kế hoạch	- Phòng TCNS; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị liên quan trong toàn Trường
4.2.2 Đảm bảo tất cả GV cơ hữu của Trường có Chứng chỉ bồi dưỡng về NVSP dạy DH và chứng chỉ giảng dạy chuyên môn (nếu có yêu cầu)	100% GV cơ hữu có chứng chỉ bồi dưỡng NVSP.	100% GV cơ hữu có chứng chỉ bồi dưỡng NVSP.	100% GV cơ hữu có chứng chỉ bồi dưỡng NVSP.	- Phòng TCNS; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị liên quan trong toàn Trường.
4.2.3 Định kỳ tăng cường bồi dưỡng PPGD, kiểm tra – đánh giá cho GV đáp ứng theo CTDT.	Bình quân 2 lớp bồi dưỡng/năm về chuyên môn cho GV.	Bình quân 2 lớp bồi dưỡng/năm về chuyên môn cho GV.	Bình quân 2 lớp bồi dưỡng/năm về chuyên môn cho GV.	- Phòng TCNS; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị liên quan trong toàn Trường.
4.2.4 Cử GV trẻ đi học tập và nghiên cứu ở trong và ngoài nước thông qua tài trợ/ dự án.	Tối thiểu 10 người/ năm	Tối thiểu 15 người/năm	Tối thiểu 20 người/năm	- Phòng TCNS; - Phòng HTQT; - Phòng KHCN. - Các khoa đào tạo.
4.2.5 Nâng cao năng lực tiếng Anh cho các GV nhằm phục vụ công tác chuyên môn	- Tối thiểu 30% GV có chứng chỉ IELTS 5.5/ TOEIC 550 hoặc tương đương - Tối thiểu 10% GV có IELTS 6.5	- Tối thiểu 60% GV có chứng chỉ IELTS 5.5/ TOEIC 550550 hoặc tương đương - 10% GV có IELTS 6.5	- Tối thiểu 70% GV có chứng chỉ IELTS 5.5/ TOEIC 550 550 hoặc tương đương - 10% GV có IELTS 6.5	- Phòng TCNS; - Phòng HTQT; - Trung tâm Ngoại ngữ; - Các đơn vị trong toàn Trường.
4.2.6 Đảm bảo GV có thể giảng dạy bằng tiếng Anh và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.	- 100% GV đạt chuẩn tin học ứng dụng cơ bản; - 100% GV giảng dạy CTDT đạt chuẩn quốc tế phải đủ năng lực tiếng Anh theo yêu cầu	- 100% Chuẩn tin học ứng dụng cơ bản; - 100% GV của CTDT đạt chuẩn yêu cầu quốc tế về giảng dạy bằng tiếng Anh;	- 100% Chuẩn tin học ứng dụng cơ bản; - 100% GV của CTDT đạt chuẩn yêu cầu quốc tế về giảng dạy bằng tiếng Anh;	- Phòng TCNS; - Phòng HTQT; - Trung tâm Ngoại ngữ; - Trung tâm Tin học; - Viện E-learning

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích đạt chuẩn tin học ứng dụng nâng cao; - 20% giảng viên tham gia giảng dạy e – learning - Ít nhất 10% giảng viên có website riêng phục vụ giảng dạy 	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích việc đạt chuẩn tin học ứng dụng nâng cao; - 30% giảng viên tham gia giảng dạy e – learning - Ít nhất 30% giảng viên có website riêng phục vụ giảng dạy 	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích việc đạt chuẩn tin học ứng dụng nâng cao; - 50% giảng viên tham gia giảng dạy e – learning - Ít nhất 60% giảng viên có website riêng phục vụ giảng dạy 	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị trong toàn Trường.
4.2.7 Tăng cường cử GV Trường đi thỉnh giảng ở nước ngoài và mời GV nước ngoài đến thỉnh giảng tại Trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Cử 5 đến 10 lượt GV tham gia thỉnh giảng nước ngoài. - Mời 10 đến 20 lượt GV nước ngoài thỉnh giảng tại Trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cử 10 đến 15 lượt GV tham gia thỉnh giảng nước ngoài. - Mời 15 đến 25 lượt GV nước ngoài thỉnh giảng tại Trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cử 15 đến 20 lượt GV tham gia thỉnh giảng nước ngoài. - Mời 20 đến 30 lượt GV nước ngoài thỉnh giảng tại Trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng TCNS; - Phòng HTQT; - Các đơn vị liên quan trong toàn Trường.
4.2.8 Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở hoạt động hiệu quả.	Có 10 ứng viên cấp cơ sở	Có 10 ứng viên cấp cơ sở	Có 10 ứng viên cấp cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng TCNS; - Phòng KHCHN; - Hội đồng KH&ĐT; - Các đơn vị liên quan trong toàn Trường.
4.3 Đánh giá và đãi ngộ đội ngũ GV, CBQL, NV				
4.3.1 Xây dựng cơ chế chính sách, đảm bảo đội ngũ GV là nhân tố quyết định thành công của nhà trường.	Xây dựng chính sách lương thương	Xây dựng cơ chế đối thoại định kỳ giữa các phòng ban phục vụ chuyên môn với các khoa, viện, trung tâm đào tạo và nghiên cứu		
4.3.2 Triển khai xây dựng hệ thống KPI – BSC	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật, điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng phòng ban; thu thập, hệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện và cải tiến các kết quả của năm trước 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện và cải tiến các kết quả của năm trước 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng TCNS; - Phòng KHCHN; - Các đơn vị liên quan

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
4.3.3 Xây dựng chế đãi ngộ đặc biệt để thu hút GV tài năng trong và ngoài nước, đặc biệt tài năng trẻ	Xây dựng quy chế thu hút tài năng trẻ	10 giảng viên được hưởng	15 giảng viên được hưởng	- Phòng TCNS; - Phòng KHCN; - Các đơn vị liên quan trong toàn Trường.
	thống hóa và cập nhật mô tả công việc cá nhân hiện có - Hoàn tất việc xây dựng hệ thống bản mô tả công việc, kế hoạch làm việc của các đơn vị, các cá nhân; một số quy định, quy trình quan trọng liên quan toàn Trường	- Đánh giá công tác của đơn vị cá nhân theo quy chế mới (ABC cải tiến) - Điều chỉnh việc trả lương và thưởng gắn với thời hạn hoàn thành, khối lượng và chất lượng công việc	mục tiêu để tiến tới áp dụng hệ thống KPI - BSC - 3P - Hoàn tất và áp dụng thử nghiệm hệ thống KPI - Xây dựng và thử nghiệm áp dụng trả lương 3P	trong toàn Trường.

5. LĨNH VỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
V. LĨNH VỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT <i>Mục tiêu:</i>				
	- Đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên về chất lượng các phòng học, hội trường, giảng đường, phòng tự học, khu thực hành thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, kỹ túc xá...đầy đủ trang thiết bị, âm thanh, ánh sáng, sạch đẹp tại trụ sở chính cũng như các cơ sở của Nhà trường. Tạo sự thoải mái cho sinh viên, giảng viên, CB CNV khi ngồi học tập, giảng dạy và làm việc tại trường; - Đảm bảo cơ sở vật chất nhà trường khang trang, đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hướng tăng cường thực hành.			
5.1 Hoàn thiện và phát triển cơ sở đào tạo				

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
5.1.1 Định kỳ rà soát, kiểm tra các phòng học, hội trường, khu thực hành thí nghiệm, ký túc xá... của từng cơ sở theo chu kỳ hàng quý, năm.	Đảm bảo 100% cơ sở vật chất của Trường được kiểm tra.	Đảm bảo 100% cơ sở vật chất của Trường được kiểm tra.	Đảm bảo 100% cơ sở vật chất của Trường được kiểm tra.	Ban xây dựng và các đơn vị liên quan
5.1.2 Duy tu, sửa chữa, xây mới các cơ sở hạ tầng.	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	
5.1.3 Phát triển thêm các cơ sở, phòng học để đáp ứng số lượng đầu vào ngày càng nhiều hơn của nhà trường.	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	
5.1.4 Triển khai việc kiểm định cơ sở vật chất toàn trường.	Triển khai 100% kiểm định cơ sở vật chất toàn trường.	Triển khai 100% kiểm định cơ sở vật chất toàn trường.	Triển khai 100% kiểm định cơ sở vật chất toàn trường.	
5.2 Thường xuyên đổi mới cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế				
5.2.1 Trang bị các trang thiết bị tiên tiến phù hợp để đáp ứng quy mô chất lượng cơ sở phòng học, khu thực hành, thí nghiệm.	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	Ban xây dựng Phòng QTTB và các đơn vị liên quan
5.2.2 Cập nhật các mô hình phòng thực hành để xây mới, duy tu, nâng cao chất lượng phù hợp với từng ngành học của nhà trường.	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	Đáp ứng 100% theo yêu cầu của các đơn vị đề nghị và sự chỉ đạo của BGH, HDQT	
5.3 Trang bị các khu chức năng hỗ trợ cho sinh viên, giảng viên, CBCNV học tập, giảng dạy và làm việc tại trường				

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
5.3.1 Xây mới, đa dạng hóa các phòng học thành khu tự học cho sinh viên, khu nghiên cứu, khu thực hành thí nghiệm, khu thể thao, KTX...đáp ứng cho sinh viên, giảng viên, CBCNV của nhà trường.	Hoàn thành khu tự học cho sinh viên, khu nghiên cứu, khu thực hành thí nghiệm	Hoàn thành khu thể thao, KTX và theo chỉ đạo của BGH, HDQT	Hoàn thành khu thực hành, KTX và theo chỉ đạo của BGH, HDQT	Ban xây dựng và các đơn vị liên quan
5.4 Chú trọng trang bị các trang thiết bị tiên tiến nhất, cập nhật theo xu hướng hiện đại để đáp ứng các chương trình đào tạo tiên tiến.				
5.4.1 Đảm bảo đáp ứng đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của các phòng ban chức năng.	Đảm bảo 100% đáp ứng đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của các phòng ban chức năng.	Đảm bảo 100% đáp ứng đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của các phòng ban chức năng.	Đảm bảo 100% đáp ứng đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của các phòng ban chức năng.	- Phòng QTTB, - Phòng TCKT, - Phòng KHTC, - Các khoa
5.4.2 Đảm bảo có đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học.	Đảm bảo 100% có đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học.	Đảm bảo 100% có đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học.	Đảm bảo 100% có đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học.	
5.5 Đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin				
5.5.1 Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, mạng thông tin viễn thông hiện đại làm cơ sở tin học hóa công tác quản lý, triển khai dạy và học theo mô hình DH sáng tạo.	- Nâng cấp hạ tầng CNTT toàn hệ thống. - Nâng cấp hệ thống wifi tất cả các cơ sở.	Bảo trì, nâng cấp định kỳ.	Bảo trì, nâng cấp định kỳ.	Phòng Quản trị thông tin
5.5.2 Hoàn thiện trang web theo tiêu chuẩn của xếp hạng Webometrics và tham gia xếp hạng.	Chuẩn hóa hệ thống website chính của nhà trường.	Nâng cấp xếp hạng website chính của nhà trường.	Có mặt trong 20 trường ĐH hàng đầu Việt Nam theo Webometrics	Phòng Quản trị thông tin, Phòng Truyền thông

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
5.5.3 Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý, tiến đến tin học hóa hoàn toàn công tác quản lý của Trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp hệ thống thông tin quản lý (quản lý đào tạo, nhân sự, thư viện, tài sản, e-learning, thông tin minh chứng,...); - Lập kế hoạch chuẩn hóa năng lực tin học cho đội ngũ CBNV, GV toàn Trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo trì, nâng cấp, cải tiến hệ thống thông tin quản lý. - Triển khai chuẩn hóa năng lực tin học cho đội ngũ CBNV, GV toàn Trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo trì, nâng cấp, cải tiến hệ thống thông tin quản lý. - Đánh giá, cải tiến bộ chuẩn năng lực tin học cho đội ngũ CBNV, GV toàn Trường. 	Phòng QTTT, phòng QLĐT và các đơn vị liên quan
5.6 Cải tiến, phát triển Trung tâm Thông tin – Thư viện theo mô hình Learning Commons (mô hình Không gian học tập chung)				
5.6.1 Đầu tư cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Thư viện Q.12: + Cơ cấu tổ chức lại Khu tự học, máy tính, kho sách theo không gian mở + Bố trí Khu vực học nhóm (05 Phòng học nhóm) + Đề xuất xin thêm 1 phòng làm Trung tâm hỗ trợ thuyết giảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Thư viện Q.4: cải tạo Thư viện quận 4 + Sử dụng toàn bộ diện tích kho sách + phòng nghiệp vụ + phòng tra cứu thông tin hiện tại thành không gian tự học (3 phòng học nhóm nhỏ; phòng tự học; kho sách) + Đề xuất xin phòng C201 làm phòng tra cứu thông tin. - Đề xuất BGH cho phép TV mở café sách tại TV Q.12 và Q.4, tạo không gian thư giãn, thoải mái nhất cho SV cũng như thu hút SV đến với thư viện nhiều hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo Thư viện Q.7: + Mở rộng diện tích phòng đọc, phòng tra cứu thông tin và khu học tập chung theo không gian mở. 	1. BGH duyệt 2. Ban CSVC hỗ trợ 3. TTT-TV đề xuất
5.6.2 Mua sắm máy móc trang thiết bị hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị các trang thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Thư viện Quận 4: 	Cải tạo Thư viện Q.7:	<ul style="list-style-type: none"> - BGH duyệt

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
đại	<ul style="list-style-type: none"> bị, máy móc hiện đại, tiện ích phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của SV, GV-CBCNV: + Máy scan chuyên dụng; + Máy photocopy; + Tivi + Trạm mượn trả sách tự động. - Cập nhật phần mềm quản lý Thư viện mới, tích hợp tài liệu điện tử và tài liệu giấy, giúp thông kê số liệu chi tiết, hỗ trợ công tác đảm bảo chất lượng của Trường. - Nâng cấp hệ thống đường truyền internet/wifi của TV mạnh hơn tại cơ sở Q.4 	<ul style="list-style-type: none"> + Thay toàn bộ hệ thống máy tính cũ: 150 máy; + Trang bị lại bàn ghế, chỗ ngồi tự học, nghỉ ngơi theo mô hình linh hoạt; + Trang bị các ổ cắm điện tại khu vực tự học và phòng học nhóm tại thư viện Q.4 - Trang bị công an ninh tại thư viện Q.4, Q12 (lầu 1); - Danh riêng 1 đường truyền mạng cho Thư viện cơ sở Q.4 và Q12 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị hệ thống máy tính mới, hiện đại (60 máy tính). 	<ul style="list-style-type: none"> - P. QTTB hỗ trợ - TTTT-TV đề xuất
<p>5.7 Đảm bảo Thư viện trường đáp ứng các tiêu chuẩn tương đương của một số nước tiên tiến trong khu vực:</p> <p>5.7.1 Quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tại đội ngũ TV: + Chuyên ngành Thư viện: 5 nhân sự; + Chuyên ngành công nghệ thông tin: 3 nhân sự; + Các chuyên ngành khác: 5 nhân sự. - Nâng cao hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự thông qua các lớp ngắn hạn: + Cử nhân sự thuộc các chuyên ngành khác tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn về nghiệp vụ Thư viện; 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự thông qua các lớp ngắn hạn về nghiệp vụ thư viện, công nghệ thông tin; - Nâng cao trình độ ngoại ngữ: cán bộ thư viện có khả năng giao 	<ol style="list-style-type: none"> BGH duyệt; P.TCNS TTTT-TV

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	năng lực nhân sự đơn vị thông qua các lớp tập huấn ngắn hạn.	+ Tạo điều kiện hỗ trợ các nhân sự có kế hoạch học tập, nâng cao chuyên môn (học thạc sĩ, liên thông đại học...): có ít nhất 2 nhân sự có trình độ thạc sĩ.	tiếp, đọc hiểu; - Tạo điều kiện hỗ trợ các nhân sự có kế hoạch học tập, nâng cao chuyên môn (học thạc sĩ, liên thông đại học...): có ít nhất 3 nhân sự có trình độ thạc sĩ cán bộ thư viện, 100% có trình độ cử nhân đại học trở lên.	
5.7.2 Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	- Đáp ứng 65% giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo và nghiên cứu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử và các CSDL)	- Đáp ứng 70% giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo và nghiên cứu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử và các CSDL);	- Đáp ứng 80% giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo và nghiên cứu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử và các CSDL);	1. BGH duyệt 2. Khoa 3. TTTT-TV

6. LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÀ CHÍNH SÁCH

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
VI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÀ CHÍNH SÁCH <i>Mục tiêu:</i> Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý và chính sách nhằm tăng cường quá trình ra quyết định và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường.				
6.1 Các lĩnh vực quản lý chung				
6.1.1 Xây dựng Đề án đề đăng ký xếp hạng trường ĐH nằm trong top 20/400 theo Việt Nam/ Châu Á (QS Asia University Rankings)	- Thành lập Ban xây dựng Đề án xếp hạng trường theo Việt Nam / Châu Á; - Hoàn thành Đề án dựa trên phân tích – đánh giá	- Rà soát và tiếp tục triển khai đề án để đạt các chỉ tiêu: + Ủy tín về NCKH (40%)	- Rà soát và tiếp tục triển khai đề án để đạt các chỉ tiêu: + Ủy tín về NCKH (40%)	- Ban xây dựng Đề án; - Văn phòng Trường; - Phòng DBCL;

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	số liệu hiện trạng và đề xuất cách thức đạt được các chỉ tiêu cốt lõi: + Ủy tin về NCKH (40%) + Ủy tin đối với NTTD (10%) + GV/SV (20%) + Tổng số trích dẫn/GV (20%) + GV quốc tế (5%) + SV quốc tế (5%)	+ Ủy tin đối với NTTD (10%) + GV/SV (20%) + Tổng số trích dẫn/GV (20%) + GV quốc tế (5%) + SV quốc tế (5%).	+ Ủy tin đối với NTTD (10%) + GV/SV (20%) + Tổng số trích dẫn/GV (20%) + GV quốc tế (5%) + SV quốc tế (5%)	- Phòng HTQT; - Phòng KHCHN; - Phòng TCNS; - Ban QHDN & VLSV; - Phòng KH-TC; - Phòng Kế toán; - Viện NIII; - Trung tâm Hợp tác Quốc tế ASEAN; - Viện Nghiên cứu và Đào tạo sau DH.
6.1.2 Xây dựng Đề án kiểm định chất lượng và gắn sao QS Stars	Thành lập Ban xây dựng Đề án kiểm định gắn sao QS Stars.	Triển khai đề án kiểm định gắn sao QS Stars hướng tới đạt 4 sao.	Triển khai đề án kiểm định gắn sao QS Stars hướng tới đạt 4 sao.	- Văn phòng trường - Phòng Đảm bảo chất lượng - Phòng Tổ chức nhân sự - Phòng Hợp tác quốc tế - Phòng Khoa học công nghệ - Tất cả các khoa - Và các đơn vị liên quan.
6.1.3 Thực hiện phân cấp quản lý trong trường và giữa các đơn vị trực thuộc của trường. Xây dựng bộ máy quản lý theo hướng Đại học – Trường Đại học.	- Thành lập Ban xây dựng Đề án mô hình tổ chức quản lý theo hướng DH – Trường DH;	- Tháng 6/2019: Hoàn tất Dự thảo Đề án xây dựng mô hình tổ chức quản lý theo hướng DH	Áp dụng thử nghiệm Đề án tại một số đơn vị (khối ngành kinh tế, khoa học công	- Ban xây dựng Đề án; - Văn phòng Trường;

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ TRỰC HIỆN
	<ul style="list-style-type: none"> - Học tập kinh nghiệm mô hình của một số trường DH tiên tiến trong và ngoài nước; - Nghiên cứu và đề xuất phương án mô hình tổ chức quản lý (bao gồm: chức năng nhiệm vụ; sơ đồ tổ chức; phân quyền – phân cấp; chế độ chính sách; quy chế phối hợp triển khai, kiểm soát – đánh giá,..). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường DH; - Tháng 10/2019: Hoàn thành Đề án. 	nghệ...).	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng TCNS; - Tất cả các đơn vị liên quan trong toàn Trường.
6.1.4 Quản trị theo mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát Bản mô tả chức năng – nhiệm vụ và Sơ đồ tổ chức trong toàn trường; - Rà soát Quy định đánh giá, xếp loại kết quả lao động hàng tháng theo ABC; - Ban hành Quy định đánh giá GV, CBQL và nhân viên. 	Rà soát – cập nhật Quy định đánh giá GV, CBQL và nhân viên.	Hoàn thiện các công cụ quản trị theo mục tiêu và chuyển đổi dần sang phương thức đánh giá theo các chỉ số KPIs.	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng TCNS; - Tất cả các đơn vị liên quan trong toàn Trường.
6.1.5 Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý, tiến đến tin học hóa hoàn toàn công tác quản lý của trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp hệ thống thông tin quản lý (đào tạo, nhân sự, kế toán, thư viện, E-learning, hệ thống lưu trữ TTM.C,..); - Xây dựng kế hoạch chuẩn hóa năng lực tin học cho đội ngũ CBNV 	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát và cải tiến hệ thống thông tin quản lý; - Triển khai thực hiện việc chuẩn hóa năng lực tin học cho đội ngũ CBNV toàn trường, kiểm soát và đánh giá; 	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát và cải tiến hệ thống thông tin quản lý; - Rà soát và đánh giá chuẩn năng lực tin học cho đội ngũ CBNV; - Rà soát, đánh giá và 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng QTTT; - Phòng QLDT; - Phòng TCNS; - Phòng Kế toán; - Tất cả các đơn vị liên quan trong toàn Trường.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	<p>trong toàn trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng việc tính lương cho GV qua hệ thống phần mềm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, đánh giá và hoàn thiện việc tính lương cho GV qua hệ thống phần mềm. 	<p>hoàn thiện việc tính lương cho GV qua hệ thống phần mềm.</p>	
6.2 Các lĩnh vực về chính sách				
<p>6.2.1 Xây dựng hệ thống các chính sách theo định hướng phát triển của Nhà trường</p>	<p>Hoàn thiện và ban hành các chính sách theo định hướng phát triển của Nhà trường giai đoạn 2018-2020 (Đội ngũ nhân sự, đào tạo, NCKH, PVCP, HTQT, DBCL)</p>	<p>Rà soát và cập nhật các chính sách phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.</p>	<p>Rà soát và cập nhật các chính sách phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.</p>	<p>Lãnh đạo phụ trách chính các lĩnh vực hoạt động có liên quan trong toàn Trường.</p>
<p>6.2.2 Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý của Trường ĐH NTT, trong đó đảm bảo sự thống nhất, liên thông và phối hợp của các đơn vị trong quản lý, đào tạo, NCKH và HTQT.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập bộ phận pháp chế (trực thuộc Văn phòng Trường); - Rà soát – đánh giá hiện trạng hệ thống văn bản quản lý của Nhà trường; - Xây dựng và ban hành quy định chuẩn hóa hệ thống văn bản quản lý (form mẫu, phân cấp phê duyệt văn bản, lưu trữ, truy xuất...). 	<p>Kiểm soát – đánh giá và thực hiện các hoạt động cải tiến hệ thống văn bản quản lý của Trường.</p>	<p>Kiểm soát – đánh giá và thực hiện các hoạt động cải tiến hệ thống văn bản quản lý của Trường.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Trường; - Phòng TCNS; - Phòng DBCL; - Tất cả các đơn vị liên quan trong toàn Trường.
6.3 Chính sách quản lý và đảm bảo chất lượng				
<p>6.3.1 Kiểm định chất lượng theo chuẩn của Bộ GD&ĐT và quốc tế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai công tác tự đánh giá các CTĐT bậc DH tại Trường; - 02 chương trình Kiểm định cấp CTĐT theo Bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - 02 chương trình Kiểm định cấp CTĐT theo Bộ GD&ĐT; - 02 chương trình Kiểm định cấp CTĐT theo 	<ul style="list-style-type: none"> - 02 chương trình Kiểm định cấp CTĐT theo Bộ GD&ĐT; - 02 chương trình Kiểm định cấp CTĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng DBCL; - Phòng QLĐT; - Các khoa phụ trách đào tạo; - Phòng TCNS;

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
6.3.2 Đánh giá mức độ hài lòng của (i) SV về chất lượng đào tạo, dịch vụ hỗ trợ, tình hình việc làm, thu nhập; và (ii) Nhà tuyển dụng về chất lượng SVTN và CTĐT.	Rà soát – cải tiến quy trình và mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi.	Đánh giá hiệu quả công tác lấy ý kiến phản hồi và thực hiện cải tiến.	Đánh giá hiệu quả công tác lấy ý kiến phản hồi và thực hiện cải tiến.	- Ban QHDN & VLSV; - Phòng DBCL; - Phòng CTSV; - Tất cả các đơn vị liên quan trong toàn Trường.

7. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
VII. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH				
<i>Mục tiêu:</i> Xây dựng nền tài chính bền vững thông qua tăng cường nguồn thu, nâng cao tính minh bạch, công khai, hiệu quả trong kế hoạch hóa và quản lý tài chính, đáp ứng nhu cầu tái đầu tư theo chiến lược phát triển của nhà trường trên nguyên tắc phi lợi nhuận				
7.1 Tăng nguồn thu tài chính				
7.1.1 Đa dạng hóa nguồn thu (tăng nguồn thu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, nguồn tài trợ, hoạt	- Tăng nguồn thu: 10% so với năm trước - Học phí từ đào tạo	- Tăng nguồn thu: 10% so với năm trước - Học phí từ đào tạo	- Tăng nguồn thu: 10% so với năm trước - Học phí từ đào tạo	Khoa, Viện, TT, Phòng, Ban và Ký túc xá, Phòng KHCCN, Phòng

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN		2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
động dịch vụ khác,..).		chính quy: 95%. - Học phí đào tạo ngắn hạn: 1% - Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ: 2% - Các dịch vụ khác, tài trợ,...: 2%	chính quy: 90%. - Học phí đào tạo ngắn hạn: 3% - Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ: 3% - Các dịch vụ khác, tài trợ,...: 4%	chính quy: 85% - Học phí đào tạo ngắn hạn: 4% - Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ: 6% - Các dịch vụ khác, tài trợ,...: 5%	khám đa khoa
7.1.2 Đa dạng hóa nguồn vốn vay, tranh thủ nguồn kinh phí hỗ trợ từ quỹ hỗ trợ giáo dục và đào tạo của Nhà nước và quốc tế.		- Nguồn vốn kích cầu của TP. HCM. - Tiếp cận nguồn vốn của WB, IMF, ADB, v v....	- Nguồn vốn kích cầu của TP. HCM. - Tiếp cận nguồn vốn của WB, IMF, ADB, v v....	- Nguồn vốn kích cầu của TP. HCM. - Tiếp cận nguồn vốn của WB, IMF, ADB, v v....	HDQT, BGH, Phòng Kế hoạch TC, Phòng Kế toán, Ban CSVC
7.2 Hoàn thiện cơ chế tài chính					
7.2.1 Định kỳ cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ của trường		Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.	HDQT, BGH, Phòng Kế hoạch TC, Phòng Kế toán, Văn phòng Trường, P. TCNS, P.KHCN
7.2.2 Xây dựng mức học phí phù hợp theo hướng xác định đầy đủ chi phí đào tạo và tái đầu tư.		Quy định mức học phí cho khối kiến thức đào tạo theo từng khối ngành	Quy định mức học phí cho khối kiến thức đào tạo theo từng khối ngành	Quy định mức học phí cho khối kiến thức đào tạo theo từng khối ngành	BGH, P. Kế toán, P. TCNS, P. QLDT, P. CTSV, các Khoa, Trung tâm TVTS
7.2.3 Các đơn vị lập kế hoạch kinh phí cho từng năm trình Hiệu trưởng phê duyệt để phân bổ kinh phí cho từng lĩnh vực hoạt động.		- 100% đơn vị lập kế hoạch kinh phí hàng năm - Quyết định của Hiệu	- 100% đơn vị lập kế hoạch kinh phí hàng năm - Quyết định của Hiệu	- 100% đơn vị lập kế hoạch kinh phí hàng năm - Quyết định của	P. KHTC, Văn phòng Trường, BGH, P. Kế toán, các đơn vị liên quan

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	trường về phân bổ kinh phí hoạt động cho từng đơn vị - Báo cáo đánh giá hiệu quả phân bổ kinh phí hàng năm	trường về phân bổ kinh phí hoạt động cho từng đơn vị - Báo cáo đánh giá hiệu quả phân bổ kinh phí hàng năm	Hiệu trường về phân bổ kinh phí hoạt động cho từng đơn vị - Báo cáo đánh giá hiệu quả phân bổ kinh phí hàng năm	

8. LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
VIII. LĨNH VỰC LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ				
<i>Mục tiêu:</i> Chú trọng phát triển hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế nhà trường.				
8.1. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế				
8.1.1 Tìm kiếm, ký kết và thực hiện các chương trình hợp tác với nhiều trường, tổ chức trong và ngoài nước.	Ký kết/Thực hiện 3 chương trình hợp tác quốc tế	Ký kết/Thực hiện 3 chương trình hợp tác quốc tế	Ký kết/Thực hiện 3 chương trình hợp tác quốc tế	Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Phòng HTQT, Khoa, trung tâm, Viện NIII
8.1.2 Tăng cường gia nhập các hiệp hội, mạng lưới GDDH, cao đẳng và chuyên nghiệp quốc tế. Phần đầu tham gia 1 hiệp hội, tổ chức mỗi năm.	Tham gia làm thành viên tổ chức AUF	Được AUN kiểm định về chương trình đào tạo		Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Phòng HTQT, ban Đảm bảo Chất lượng, Khoa, trung tâm, Viện NIII
8.1.3 Chú trọng hợp tác quốc tế về các lĩnh vực mới như được, y khoa, nhà hàng, khách sạn v.v...	Đưa được 15 sinh viên đi chương trình thực tập sinh tại Nhật và các nước	Đưa được 30 sinh viên đi chương trình thực tập sinh tại Nhật và các nước khác		Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Phòng HTQT, Khoa, trung tâm, Viện NIII

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
8.1.4 Dày mạnh, đa dạng hóa các chương trình liên kết đào tạo quốc tế đối với một số ngành đào tạo, với nhiều mô hình đào tạo	khác Mô chương trình liên kết đào tạo Tiến sĩ Điều dưỡng	Ngành chuỗi cung ứng, ngành được Các mô hình đào tạo 2+2; 3+1; Blended/online learning		Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Phòng HTQT, Khoa, trung tâm, Viện NIII
8.2 Hoàn thiện cơ chế hợp tác quốc tế				
8.2.1 Xây dựng cơ chế làm việc, phối hợp giữa giữa phòng HTQT và các đơn vị khác của toàn trường, đặc biệt là các khoa.	- Tổ chức họp và lên kế hoạch phối hợp, hỗ trợ giữa Khoa và phòng HTQT; - Đề xuất cơ chế bổ nhiệm 1 nhân sự của Khoa kiêm nhiệm việc theo dõi, báo cáo, điều phối công tác HTQT của khoa, báo cáo lên Ban Giám hiệu và phòng HTQT để được hỗ trợ thực hiện các chương trình HTQT.	Tiếp tục đánh giá, hoàn thiện cơ chế hỗ trợ, phối hợp hoạt động giữa các khoa và phòng HTQT.	Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện.	Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Phòng HTQT, Khoa, trung tâm, Viện NIII.
8.2.2 Xây dựng cơ chế đề tăng cường cử giảng viên, cán bộ quản lý ra nước ngoài học tập, giảng dạy và nghiên cứu; đồng thời mở rộng việc nhận chuyên gia các nước đến trường để giảng dạy và nghiên cứu nhằm tạo điều kiện cho	- Hoàn thiện quy định về chế độ đối với Giảng viên Thỉnh giảng, Tỉnh nguyên quốc tế Tận	Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện.	Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện.	Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Phòng HTQT, Khoa, trung tâm.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
<p>đội ngũ của trường có cơ hội tiếp cận và hòa nhập trình độ khoa học kỹ thuật của khu vực và thế giới.</p>	<p>dùng mời các Giảng viên từ các Tổ chức Quốc tế; - Hoàn thiện quy chế cử giảng viên đi công tác ở nước ngoài.</p>			
8.3. Tăng cường thu hút sinh viên quốc tế				
<p>8.3.1 Xây dựng một số chương trình đào tạo quốc tế giảng dạy bằng ngoại ngữ theo tiêu chuẩn quốc tế, có thể liên thông được với các trường ĐH khác trong khu vực nhằm cung cấp cho sinh viên tại chỗ có nhu cầu cũng như sinh viên quốc tế...</p>	<p>- Chương trình liên kết đào tạo Cử nhân bằng kép ngành Kế toán và Kinh tế với MUST (Malaysia); - Chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế liên kết với CSU (Mỹ);</p>	<p>- Xây dựng chương trình thạc sỹ Chuỗi cung ứng - Phát triển thêm các chương trình cử nhân văn quốc tế các ngành như Dược, Công nghệ sinh học, thực phẩm</p>		<p>Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Phòng HTQT, Khoa, trung tâm, Viện NIII</p>
<p>8.3.2 Chú trọng thu hút sinh viên của Lào, Campuchia, Mianma, các nước châu Á và thế giới đến học.</p>	<p>Kết hợp với các trường ĐH Vinh, Hà Tĩnh, và Hội Việt nam- Khmer tuyển sinh viên Lào/Cambodia Tuyển mới 10 sinh viên Lào/Cambodia</p>	<p>Kết hợp với các trường ĐH Vinh, Hà Tĩnh, và Hội Việt nam- Khmer tuyển sinh viên Lào/Cambodia Tuyển mới 30 sinh viên Lào/Cambodia</p>	<p>Kết hợp với các trường ĐH Vinh, Hà Tĩnh, và Hội Việt nam- Khmer tuyển sinh viên Lào/Cambodia</p>	<p>Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội</p>
<p>8.3.3 Mở rộng và tăng cường các hoạt động giao lưu quốc tế, các lớp học/trải nghiệm văn hóa ngắn hạn và dài hạn, các chương trình giao lưu</p>	<p>- Duy trì, tăng cường các hoạt động định kỳ trao đổi sinh viên</p>	<p>- Phát triển thêm các hoạt động trao đổi, giao lưu với các</p>	<p>- Phát triển thêm các hoạt động trao đổi, giao lưu với các</p>	<p>Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Phòng HTQT, Khoa, trung tâm,</p>

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
nghệ thuật, thể thao.	<p>với đại học Kyungsung (Hàn quốc) Đại học UTAR (Malaysia) - Gửi 50 lượt sinh viên đi giao lưu, tham dự, học tập tại các trường nước ngoài.</p>	<p>trường đại học Đài Loan, Nhật Bản,... - Xây dựng các lớp học tiếng Việt ngắn hạn, dài hạn; các chương trình kết hợp kiến tập, du lịch cho đối tượng sinh viên quốc tế</p>	<p>trường đại học Đài Loan, Nhật Bản,... - Xây dựng các lớp học tiếng Việt ngắn hạn, dài hạn; các chương trình kết hợp kiến tập, du lịch cho đối tượng sinh viên quốc tế</p>	Viện NIII
8.4 Năng cao năng lực của cán bộ và giảng viên về công tác hợp tác quốc tế				
8.4.1. Nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ phòng ban, khoa.	<p>Tìm hiểu các khóa đào tạo, luyện thi chứng chỉ tiếng Anh/ phối hợp với NIII tổ chức các lớp học, luyện thi</p>	<p>Tổ chức Câu lạc Bộ tiếng Anh định kỳ chung của trường và của từng khoa. (Bước đầu là định kỳ hàng tháng).</p>	<p>Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện</p>	<p>Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Phòng HTQT, Khoa, trung tâm, Viện NIII</p>
8.4.2 Kỹ năng đàm phán, xây dựng các chương trình liên kết, cũng như kiến thức chung về nhà trường, về giáo dục Việt Nam và Văn hóa đa quốc gia.	<p>- Cử cán bộ phòng HTQT tham dự các khóa học bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành. (VD: Trung tâm Kiến thức, ngoại ngữ Bộ ngoại giao) Các chương hội thảo về đảm bảo chất lượng - Phòng HTQT tổ</p>	<p>Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện</p>	<p>Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện</p>	<p>Phó hiệu trưởng phụ trách HTQT, Phòng Đảm bảo chất lượng, Phòng HTQT, Khoa, trung tâm,</p>

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	chức các buổi phổ biến thông tin, quy định, hướng dẫn về công tác HTQT cho Khoa.			

9. LĨNH VỰC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
---------------------	------	------	------	------------------

IX. LĨNH VỰC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG (ĐBCL)

Mục tiêu 1: Hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU)

9.1.1 Hoàn thiện cơ cấu tổ chức ĐBCL của NTTU	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Hội đồng ĐBCL giáo dục của Trường; - Cơ cấu chuyên viên phụ trách ĐBCL tại các khoa và đơn vị/bộ phận hỗ trợ đào tạo; - Tập huấn chuyên môn cho Tổ ĐBCL các khoa và đơn vị/bộ phận hỗ trợ đào tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ họp Hội đồng ĐBCL 2 lần/năm; - Tập huấn chuyên môn cho Tổ ĐBCL các khoa và đơn vị/bộ phận hỗ trợ đào tạo; - Rà soát và hoàn thiện nhân sự phụ trách ĐBCL tại tất cả các đơn vị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ họp Hội đồng ĐBCL 2 lần/năm; - Tập huấn chuyên môn cho Tổ ĐBCL các khoa và đơn vị/bộ phận hỗ trợ đào tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐBCL; - Văn phòng Trường; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị/bộ phận hỗ trợ đào tạo.
9.1.2 Nâng cao năng lực đội ngũ thực hiện ĐBCL của NTTU	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập các Nhóm công cốt triển khai công tác CDIO, AUF (Agence Universitaire de la Francophonie), Dự án ĐBCL; - Cử nhân sự tham gia tập huấn AUN tại Thái Lan; - Triển khai cho 07 khoa tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm công cốt xây dựng dự án gia nhập CDIO, AUF, thuyết trình, và đăng ký thành công; - Cử nhân sự tham gia tập huấn CDIO tại Trung Quốc và Đan Mạch; - Nhóm Dự án ĐBCL tìm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường các hoạt động tập huấn về công tác CDIO, AUF; - Nhóm Dự án ĐBCL tìm kiếm thành công ít nhất 1 Dự án hỗ trợ; - Tổ chức tập huấn về công tác ĐBCL trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ công tác CDIO, AUF; - Phòng ĐBCL; - Phòng QLDT; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị/bộ phận hỗ trợ đào tạo.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	<p>huấn rà soát – điều chỉnh CTĐT theo AUN-QA;</p> <p>- Tổ chức tập huấn về công tác DBCL trong toàn Trường, ít nhất 2 lần/1 năm;</p> <p>- Sinh hoạt chuyên môn về DBCL với các khoa và đơn vị/bộ phận hỗ trợ có liên quan.</p>	<p>Kiểm các dự án hỗ trợ, nâng cao công tác DBCL;</p> <p>- Tổ chức tập huấn về công tác DBCL trong toàn Trường, ít nhất 2 lần/1 năm;</p> <p>- Sinh hoạt chuyên môn về DBCL với các khoa và đơn vị/bộ phận hỗ trợ có liên quan.</p>	<p>toàn Trường, ít nhất 2 lần/1 năm;</p> <p>- Tổ chức/ cử người tham dự các buổi tập huấn về DBCL;</p> <p>- Sinh hoạt chuyên môn về DBCL với các khoa và đơn vị/bộ phận hỗ trợ có liên quan.</p>	
<p>9.1.3 Xây dựng các văn bản là cơ sở pháp lý (chính sách) khi triển khai hoạt động DBCL tại NTTU</p>	<p>- Ban hành Quy chế DBCL;</p> <p>- Ban hành Sổ tay DBCL_Phiên bản 1</p>	<p>- Rà soát – đánh giá hệ thống các quy trình/ quy định trong Sổ tay DBCL;</p> <p>- Cập nhật thông tin trong Sổ tay DBCL.</p>	<p>- Rà soát – đánh giá hệ thống các quy trình/ quy định trong Sổ tay DBCL;</p> <p>- Cập nhật thông tin trong Sổ tay DBCL.</p>	<p>- Phòng DBCL;</p> <p>- Phòng QLĐT;</p> <p>- Phòng TCNS;</p> <p>- Phòng QTTB;</p> <p>- Phòng QTTT;</p> <p>- Phòng CTSV;</p> <p>- Phòng NCKH;</p> <p>- Các khoa đào tạo.</p>
<p>9.1.4 Xây dựng Hệ thống đánh giá nội bộ của NTTU</p>	<p>- Dự thảo Quy trình đánh giá nội bộ (bộ công cụ đính kèm);</p> <p>- Tập huấn nhân sự đánh giá nội bộ;</p> <p>- Cử nhân sự tham khóa Đào tạo Kiểm định viên;</p> <p>- Cử nhân sự tham gia tập huấn Tier 2 của AUN-QA.</p>	<p>- Thực hiện Đánh giá nội bộ 1 đợt/ năm;</p> <p>- Báo cáo và đề xuất các nội dung cải tiến sau đánh giá để hoàn thiện các Quy trình đánh giá nội bộ;</p> <p>- Cử nhân sự tham khóa Đào tạo Kiểm định viên.</p>	<p>- Thực hiện Đánh giá nội bộ 1 đợt/ năm;</p> <p>- Báo cáo và đề xuất các nội dung cải tiến sau đánh giá để hoàn thiện các Quy trình đánh giá nội bộ;</p> <p>- Cử nhân sự tham khóa Đào tạo Kiểm định viên.</p>	<p>- Phòng DBCL;</p> <p>- Phòng QLĐT;</p> <p>- Các khoa đào tạo;</p> <p>- Các đơn vị/ bộ phận hỗ trợ đào tạo.</p>

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
9.1.5 Hệ thống quản lý thông tin DBCL bên trong	<ul style="list-style-type: none"> - Học hỏi các “best practice” về Hệ thống quản lý thông tin DBCL bên trong tại các trường đại học trong và ngoài nước; - Đề xuất và vận hành thử hệ thống quản lý TTMC online. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hệ thống quản lý thông tin minh chứng online. - Tích hợp hệ thống quản lý TTMC và cơ sở dữ liệu DBCL. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hệ thống quản lý TTMC và cơ sở dữ liệu DBCL bên trong. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng DBCL; - Phòng QTTT; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị/ bộ phận hỗ trợ đào tạo.
Mục tiêu 2: Đánh giá chất lượng bên trong và bên ngoài				
9.2.1 Thực hiện tự đánh giá cấp CTBDT theo Bộ GD&ĐT và quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn Bộ tiêu chuẩn chất lượng cấp CTBDT của Bộ GD&ĐT và AUN-QA để nâng cao năng lực viết Báo cáo tự đánh giá, thu thập TTMC; - Triển khai công tác tự đánh giá các CTBDT bậc DH tại Trường; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn Bộ tiêu chuẩn chất lượng cấp CTBDT của Bộ GD&ĐT và AUN-QA để nâng cao năng lực viết Báo cáo tự đánh giá, thu thập TTMC; - Triển khai công tác tự đánh giá các CTBDT bậc DH tại Trường; - Tổ chức tham quan học hỏi kinh nghiệm của các Trường trong khu vực Đông Nam Á; - Xây dựng giải thưởng về “Chất lượng” của NTTU. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn Bộ tiêu chuẩn chất lượng cấp CTBDT của Bộ GD&ĐT và AUN-QA để nâng cao năng lực viết Báo cáo tự đánh giá, thu thập TTMC; - Triển khai công tác tự đánh giá các CTBDT bậc DH tại Trường; - Trao giải thưởng về “Chất lượng” của NTTU. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng DBCL; - Các khoa đào tạo; - Các đơn vị/ bộ phận hỗ trợ đào tạo.
9.2.2 Đăng ký đánh giá chất lượng theo Bộ GD&ĐT và quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký 02 chương trình đánh giá cấp CTBDT theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng của Bộ GD&ĐT; - Đăng ký 04 chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký 02 chương trình đánh giá cấp CTBDT theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng của Bộ GD&ĐT; - Thực hiện đánh giá thành 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đánh giá thành công theo Bộ Giáo dục và Đào tạo các CTBDT đã đăng ký năm 2019; 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng DBCL; - Văn phòng Trường; - Các khoa đào tạo; - Tất cả các đơn vị trong toàn Trường.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	2018	2019	2020	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng của AUN – QA.	<p>công theo Bộ Giáo dục và Đào tạo các CTĐT đã đăng ký năm 2018;</p> <p>- Thực hiện đánh giá thành công theo AUN-QA ít nhất 2 CTĐT đã đăng ký năm 2018;</p> <p>- Đăng ký mới 04 chương trình đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng của AUN – QA;</p> <p>- Báo cáo đánh giá giữa kỳ sau KDCL cấp Trường theo Bộ tiêu chuẩn KDCL của Bộ GD&ĐT, tháng 11/2019.</p>	<p>- Thực hiện đánh giá thành công theo AUN-QA ít nhất 2 CTĐT đã đăng ký năm 2020;</p> <p>- Thành lập Hội đồng Tự đánh giá và triển khai Kế hoạch tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng của AUN – QA.</p>	

TP.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hùng